

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST
Ngày 29 - 04 - 2022
V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng nghiệp;
2. Ông Phan Phước Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2022/TLST-DS, ngày 10 tháng 11 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2022/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 04 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1973; Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: Tổ X, ấp P, thị trấn PH, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Tú E, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ Y, ấp V, xã VL, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ X, ấp P, thị trấn PH, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ánh H và bà Nguyễn Thị Thùy D: Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ X, ấp P, thị trấn PH, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Ánh H: Ông Trần Tiến Vinh – Luật sư Văn phòng Luật sư Tiến Vinh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Tú E, ông Trần Tiến Vinh có mặt; ông Nguyễn Thành C, bà Nguyễn Thị Ánh H, bà Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Vào khoảng cuối năm 2020, ông C và ông Tú E đến cửa hàng Nam Thành (thành phố Long Xuyên) mua 01 xe mô tô loại SH Mode, nhãn hiệu Honda giá 72.400.000 đồng. Ông C là người trả tiền, xe do ông Nguyễn Văn Tú E đứng tên đăng ký và được cấp biển kiểm soát số 67G1-702.79 và hiện do ông Tú E quản lý sử dụng.

Theo ông C, bà H: Ông Tú E sống với con gái của ông bà tên Nguyễn Thị Thùy D từ tháng 07 năm 2020. Do Tú E cần xe đi làm nên ông bà cho Tú E mượn tiền mua xe. Sau khi Tú E và Thùy D ly hôn thì Tú E lấy xe về nhà mà không trả lại tiền cho ông bà. Do đó ông C, bà H kiện yêu cầu ông Tú E trả lại số tiền vay mua xe là 72.400.000 đồng.

Theo ông Nguyễn Văn Tú E: Cuối năm 2020, ông Tú E và ông C có đến cửa hàng Nam Thành mua xe giá 72.400.000 đồng và ông Tú E đứng tên đăng ký như lời ông C trình bày. Tuy nhiên tiền mua xe ông không có mượn của ông C, bà H mà bán vàng của ông và bà Nguyễn Thị Thùy D được cho trong ngày cưới. Do đó, ông Tú E không đồng ý trả lại tiền theo yêu cầu của ông C, bà H.

Ngoài ra, ông Tú E còn cho biết, trước khi mua xe, ông C, bà H có bàn bạc với ông về việc bán vàng cưới để mua xe, việc bàn bạc chỉ có ông Tú E, ông C, bà H, không có bà Thùy D. Sau khi ông và bà D ly hôn thì ông lấy xe về nhà.

Theo bà Nguyễn Thị Thùy D: Bà D và ông Tú E có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà D và ông Tú E đã ly hôn năm 2021. Việc cha bà (ông C) và ông Tú E bàn bạc mua xe bà không biết và không biết nguồn tiền mua xe từ đâu. Khi ra Tòa ly hôn với ông Tú E thì bà mới biết việc cha bà cho ông Tú E mượn tiền mua xe. Việc ông C, bà H kiện ông Tú E bà không có ý kiến. Còn số vàng được cho trong ngày cưới hiện bà đang giữ.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Tú E xác định xe mô tô SH Mode, nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát số 67G1-702.79 hiện ông Tú E còn đang quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, ông Tú E không đồng ý trả lại tiền mua xe theo yêu cầu của ông C, bà H, ông cho rằng số tiền mua xe là bán từ vàng của ông và bà Thùy D được cho trong ngày cưới. Đồng thời ông Tú E yêu cầu ông C, bà H phải đưa ra được biên nhận nợ hoặc ghi âm, ghi hình về việc ông mượn tiền; bà Thùy D phải trình ra đầy đủ số vàng được cho trong ngày cưới.

Hội đồng xét xử công bố Đơn khởi kiện, Bản tự khai của nguyên đơn; Biên bản hòa giải và Biên bản đối chất cùng ngày 11/03/2022 của Tòa án.

Quan điểm của Luật sư Trần Tiến Vinh: Trong quá trình đối chất và tại phiên tòa thì ông Tú E đã thừa nhận số tiền mua xe 72.400.000 đồng là do ông C đưa ra trả. Ông Tú E cho rằng số tiền trên bán từ vàng của ông và bà Thùy D được cho trong ngày cưới nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Đồng thời bà Thùy D cũng xác định không biết việc mua xe, vàng được cho trong ngày cưới hiện bà vẫn còn quản lý. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Ánh H.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của các đương sự, biên bản đối chất và tranh tụng tại phiên tòa, có căn cứ xác định số tiền mua xe SH Mode, nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát số 67G1-702.79 hiện ông Tú E còn đang quản lý, sử dụng là do ông C đưa ra trả. Ông Tú E cho rằng số tiền mua xe là do bán từ vàng của ông và bà Thùy D được cho trong ngày cưới nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Ánh H kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Tú E trả lại tiền cho mượn mua xe, xác định ông C, bà H là đồng nguyên đơn; ông Tú E là bị đơn. Quá trình giải quyết, ông Tú E cho rằng khoản tiền mua xe là bán vàng của ông và bà Nguyễn Thị Thùy D được cho trong ngày cưới. Do đó đưa bà Nguyễn Thị Thùy D tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông C, bà H yêu cầu ông Tú E trả lại số tiền cho mượn mua xe. Ông Tú E không đồng ý và cho rằng tiền mua xe là bán từ vàng của ông và bà Thùy D được cho trong ngày cưới. Xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”; là tranh chấp dân sự. Ông Nguyễn Văn Tú E cư trú ấp V, xã VL, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú theo quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về số tiền tranh chấp: Theo Biên bản hòa giải và Biên bản đối chất cùng ngày 11/03/2022 và trình bày của ông Tú E tại phiên tòa thì ông C, bà H, ông Tú E xác định số tiền mua xe loại SH Mode, nhãn hiệu Honda biển kiểm soát số 67G1-702.79 do ông Nguyễn Văn Tú E đứng tên đăng ký và đang quản lý sử dụng là 72.400.000 đồng. Số tiền này ông C là người trả cho cửa hàng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự tình tiết này không cần phải chứng minh.

Theo ông C, bà H thì số tiền này do ông, bà cho ông Tú E mượn, còn ông Tú E thì xác định do ông C, bà H bán từ số vàng của ông và bà Thùy D được cho trong ngày cưới.

[2.2] Xét nội dung tranh chấp:

Theo trình bày của ông Tú E thì ông có cùng ông C đến Cửa hàng Nam Thành để mua xe. Tiền mua xe 72.400.000 đồng (đặt cọc 12.400.000 đồng, nhận xe trả thêm 60.000.000 đồng) là do ông C đưa ra nhưng là tiền bán từ số vàng của ông và bà Thùy D được cho trong ngày cưới. Ngoài ra, ông Tú E còn cho rằng, trước khi mua xe thì ông C, bà H có bàn với ông việc bán vàng để mua xe. Số vàng bán là 1,3 lượng vàng 24K, giá vàng khi bán là 5.500.000 đ/chỉ. Sau khi mua xe về thì bà H còn nói thiếu 2.500.000 đồng và ông đã trả cho bà H. Tuy nhiên trình bày này của ông Tú E không được ông C, bà H thừa nhận. Ông C, bà H xác định số tiền mua xe là ông, bà rút từ tài khoản của bà H tại Ngân hàng Viettienbank Chi nhánh Phú Hòa và mượn thêm của bạn. Đồng thời bà Thùy D cũng xác định hiện bà vẫn còn giữ số vàng được cho trong ngày cưới, gồm: Bên ông Tú E cho nhẫn cưới, đôi bông, dây chuyền, lắc có tổng trọng lượng 8 chỉ vàng 24kr và 1 chỉ vàng 18kr; bên cha, mẹ của Thùy D cho 5 chỉ vàng 24kr và 5 chỉ vàng 18kr. Bản thân bà D cũng không nghe nói việc bán vàng mua xe.

Ngoài ra, tại phiên đối chất ngày 11/03/2022 thì ông Tú E cũng đã nhìn thấy số vàng bà Thùy D đang đeo. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tú E cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông C, bà H lấy vàng của ông và bà Thùy D được cho trong ngày cưới để bán lấy tiền mua xe.

Từ đó cho thấy, trình bày của ông Tú E về việc bán vàng được cho trong ngày cưới để mua xe là không có căn cứ. Ngược lại ông Tú E thừa nhận người trả tiền mua xe là ông C. Như vậy, việc ông Tú E yêu cầu ông C, bà H đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông vay tiền là không cần thiết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tú E có yêu cầu khấu trừ giá trị xe và số vàng còn lại bà Thùy D giữ. Tuy nhiên việc này không được ông C, bà H chấp nhận. Ngoài ra, đây là 2 quan hệ tranh chấp khác nhau. Việc ông C, bà H kiện ông Tú E là “Tranh chấp hợp đồng vay” giữa ông Tú E với ông C, bà H; còn việc ông Tú E nếu có yêu cầu giải quyết việc “chia tài sản chung sau ly hôn” là giữa ông Tú E với bà Thùy D, nên Tòa án không thụ lý giải quyết yêu cầu này của ông Tú E. Nếu ông Tú E có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định số tiền ông Tú E mua xe 72.400.000 đồng là của ông C, bà H. Do đó buộc ông Tú E có nghĩa vụ hoàn trả.

[3] Về chi phí tố tụng:

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Văn Tú E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông C, bà H.

Về chi phí tố tụng khác: Trong quá trình giải quyết vụ án không phát sinh chi phí tố tụng khác, nên các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Ánh H,

1. Buộc ông Nguyễn Văn Tú E có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Ánh H 72.400.000 (*Bảy mươi hai triệu bốn trăm nghìn*) đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và ông C, bà H có đơn yêu cầu thi hành án, ông Tú E không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Tú E phải chịu 3.620.000 (*Ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Ánh H được hoàn lại 1.810.000 (*Một triệu tám trăm mười nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu số 0006610 ngày 10/11/2021.

3. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt ông Nguyễn Văn Tú E. Thời hạn kháng cáo của ông Tú E là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/04/2022). Thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Thành C, bà Nguyễn Thị Ánh H, bà Nguyễn Thị Thùy D là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (4);
- Luật sư (1);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Sáu

